DỰ THẢO

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ\_\_\_\_\_**Số: /2024/QĐ-TTg | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| *Hà Nội, ngày …. tháng …. năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 06 năm 2024;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh, có lắp động cơ nhiệt trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý có liên quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh (sau đây gọi tắt là “xe”), trừ các loại xe sau:

1. Xe của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, xe quá cảnh, xe chuyển khẩu, xe của ngoại giao, lãnh sự, xe nhập khẩu không vì mục đích kinh doanh xe, xe nhập khẩu theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xe được nhập khẩu theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế.

3. Xe nhập khẩu để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại.

4. Xe được thiết kế chỉ để phục vụ các mục đích sau: xe ô tô, xe mô tô sử dụng trong trường đua chuyên nghiệp; xe mô tô, xe gắn máy sử dụng trong khu vui chơi, giải trí; xe mô tô, xe gắn máy địa hình.

5. Xe sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu, xe nhập khẩu không để sử dụng ở Việt Nam.

6. Xe được thiết kế, chế tạo để chạy trên các loại địa hình và đường không thuộc hệ thống giao thông đường bộ.

7. Các xe ô tô được sản xuất, lắp ráp từ xe ô tô cơ sở (từ xe sát xi hoặc từ xe ô tô hoàn chỉnh) đã được cấp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (xe sản xuất lắp ráp trong nước) hoặc xe đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (xe nhập khẩu).

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1.Tiêu chuẩn khí thải Mức 2, Mức 3, Mức 4 và Mức 5 áp dụng trong thử nghiệm là các mức tương ứng với mức Euro 2, Euro 3, Euro 4 và Euro 5 trong Quy định của Ủy ban kinh tế châu Âu của Liên Hợp quốc (UNECE) và Chỉ thị của Liên minh Châu Âu (EC) đối với xe cơ giới trong phê duyệt kiểu loại.

2.Tiêu chuẩn khí thải Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4 áp dụng trong kiểm tra là các mức, giới hạn được nêu tại TCVN 6438:2018 “Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải”.

**Điều 4. Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải**

1. Các loại xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 5 trong thử nghiệm từ ngày Quyết định này có hiệu lực.
2. Các loại xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 4 trong kiểm tra quy định tại TCVN 6438:2018 “Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải” kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.
3. Các loại xe gắn máy hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 2 trong thử nghiệm từ ngày Quyết định này có hiệu lực.
4. Các loại xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp tham gia giao thông áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 3 trong thử nghiệm và Mức 2 trong kiểm tra đối với ô tô quy định tại TCVN 6438:2018 “Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải” từ ngày 01/01/2028.
5. Các loại xe chở người bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu tham gia giao thông áp dụng tiêu chuẩn khí thải theo Mức 4 trong kiểm tra đối với ô tô quy định tại TCVN 6438:2018 “Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải” từ ngày 01/01/2028.
6. Các loại xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 3 trong thử nghiệm từ ngày Quyết định này có hiệu lực tới hết ngày 31/12/2027.
7. Các loại xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới phải áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 4 trong thử nghiệm từ ngày 01/01/2028.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Giao thông vận tải:

a) Xây dựng, ban hành, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe cơ giới mức 4 cho xe mô tô trước 01 năm và bảo đảm có hiệu lực theo đúng lộ trình quy định tại khoản 5 Điều 4 Quyết định này.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ nâng cao năng lực kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát khí thải xe cơ giới sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải các Mức 2, 3, 4, 5.

c) Tổ chức triển khai Quyết định này và căn cứ vào tình hình thực tế nghiên cứu, xây dựng quy định nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải xe cơ giới trình Thủ tướng Chính phủ công bố.

d) Trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, nghiên cứu, xem xét bổ sung, sửa đổi xây dựng, ban hành giá thử nghiệm khí thải xe ô tô, xe gắn máy hai bánh, xe mô tô hai bánh đối tương ứng các phép thử, mức khí thải và dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ liên quan để thực hiện Quyết định này.

e) Căn cứ vào tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải và mở rộng đối tượng áp dụng và trình Thủ tướng Chính phủ công bố lộ trình tiếp theo.

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Nghiên cứu, xem xét việc bổ sung, sửa đổi xây dựng, ban hành, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzel, nhiên liệu sinh học với chất lượng tương ứng lộ trình tiêu chuẩn khí thải áp dụng để thực hiện Quyết định này.

b) Công bố lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu tới Tổ chức Thương mại Thế giới.

1. Bộ Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan bảo đảm sản xuất, nhập khẩu và cung ứng đủ, thuận tiện tiếp cận nhiên liệu có chất lượng sử dụng cho xe cơ giới theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đúng lộ trình được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại các điểm a, b khoản 2 Điều này.

1. Bộ Tài chính:

Chủ trì, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu trong bảo đảm cung ứng nhiên liệu đáp ứng lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải và khuyến khích sản xuất, sử dụng xe cơ giới thân thiện môi trường.

1. Các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổ chức thông tin tuyên truyền về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

b) Chỉ đạo các đơn vị chuyên ngành trực thuộc phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm soát chất lượng nhiên liệu lưu thông trên thị trường.

1. Khuyến khích việc áp dụng tiêu chuẩn khí thải sớm hơn so với lộ trình tại Điều 4 Quyết định này, Ủy ban nhân dân các thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện.

**Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày….. tháng …. năm 2025.
2. Bãi bỏ các Quyết định và nội dung của các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

b) Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/09/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới;

c) Điều 5 của Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/03/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách Xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTN (5b) | **THỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |